

PHÒNG GD&ĐT DIỄN CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN YÊN

KẾ HOẠCH
GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025
ĐỘ TUỔI: NT 24 - 36 THÁNG

Diễn Yên, tháng 9 năm 2024

KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

NHÓM TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch số 64/KH-TrMN ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Trường Mầm non Diễn Yên)

TT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	TUẦN	Từ ngày đến ngày
1	Trường Mầm Non	Bé và cô giáo	1,2	Từ 09/9 đến 18/10
		Bé và các bạn	3	
		Trung thu của bé	4	
		Đồ chơi của bé	5	
		Ngày vui 20/10 của bé	6	
2	Bé và gia đình thân yêu	Mẹ và những người thân yêu trong gia đình	7	Từ 21/10 đến 25/11
		Đồ dùng để ăn, uống	8,9	
		Đồ dùng nhà bé	10	
		Ngày hội của cô giáo	11	
3	Những con vật đáng yêu	Một số con vật nuôi trong gia đình	12,13	Từ 25/11 đến 03/01/2025
		Một số con vật sống dưới nước	14	
		Chú bộ đội của bé	15	
		Một số con vật sống trong rừng	16,17	
4	Tết và Mùa xuân	Một số loại quả ngày tết	18	Từ 06/1/2025 đến 14/2/2025
		Bé vui đón tết	19,20	
		NGHỈ TẾT TỪ NGÀY 27/1 - 31/1/2025		
		Mùa xuân của Bé	21,22	
5	Rau, và Những bông hoa đẹp	Một số loại rau	23,24	Từ 17/2 đến 21/3/2025
		Vui hội 8/3	25	
		Những bông hoa đẹp	26,27	
6	Các phương tiện giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	28,29	Từ 24/3 đến 18/4/2025
		Phương tiện giao thông đường thủy	30	
		Phương tiện GT đường không	31	
7	Mùa hè của bé	Thời tiết mùa hè	32	Từ 21/4 đến 16/5/2025
		Trang phục mùa hè	33,34	
		Bác Hồ kính yêu	35	
	Tổng		35 tuần	

Diễn Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI 24 -36 THÁNG

(theo Kế hoạch số 64-KH-TrMN ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Trường Mầm non Diễn Yên)

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I> PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1. Dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Cân nặng trẻ nằm trong kênh A cụ thể + Trẻ trai nặng từ 11.6kg -17.7 kg Cao 89.4kg -103.6 kg Trẻ gái từ 11.kg - 1717 Cao từ 88.4cm -102.7cm	-Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau + Trẻ được ăn đủ chất hai bữa chính một bữa phụ tại nhóm lớp. - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Giờ ngủ cô cho trẻ ngủ đủ giấc 150 phút - Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các thức ăn khác nhau.
3. Bước đầu hình thành cho trẻ một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: + Trẻ ngồi vào bàn, tự xúc cơm, cháo ăn, khi ăn không làm rơi cơm, cháo. Trước khi ăn biết mời cô, mời các bạn. - Thói quen ăn chín; Rửa tay trước khi ăn; lau mặt; lau miệng; uống nước sau khi ăn, vớt rác đúng nơi quy định. + Cô hướng dẫn cho trẻ trước khi ăn phải biết rửa tay, lau mặt, khi ăn xong phải lau miệng, uống nước.
4.Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định + Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, khi đi biết xin phép.

5. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. + Chuẩn bị chỗ đi ngủ. - Trẻ tập tự xúc ăn. + Xúc cơm ăn, uống nước. + Tự biết rửa tay khi tay bẩn, rửa tay trước khi ăn, trẻ đã biết lau miệng và uống nước sau khi trẻ ăn xong. -Tập tự phục vụ: Xúc cơm, uống nước. Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. + Trẻ biết ngồi vào bàn khi ăn, xúc cơm ăn không làm rơi vãi cơm ra ngoài, biết tự uống nước sau khi ăn xong.
6. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm	- Nhận biết và phòng tránh một số hành động nguy hiểm (leo treo lan can, chơi nghịch với các vật sắc nhọn...). - thường ngày mà trẻ thấy và được nhắc nhở của người lớn. -Dạy kỹ năng phòng chống điện giật -Dạy trẻ kỹ năng phòng chống đuối nước.
7. Trẻ tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay lau mặt	- Vệ sinh đúng thao tác và kết hợp trò chuyện + Trẻ được nghe cô trò chuyện về cách vệ sinh tay, mặt khi cô vệ sinh cho trẻ.
8. Trẻ biết và Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Trẻ đội mũ nón khi đi ra nắng, biết bảo vệ cơ thể, biết đi giày dép, mặc áo ấm khi trời rét.
2. Phát triển vận động	
9. Trẻ biết thực hiện được một số động tác trong bài tập thể dục. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân. -Trẻ biết Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	Trẻ tập được một số động tác: - Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
10. Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	- Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô.
11. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể	- Tập bò, trườn

trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng. Đi, Chạy theo hiệu lệnh, giữ được thăng bằng.	+ Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân.
12. Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Tập ném bắt. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích
13. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
14. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của các con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua).
15. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng đồ chơi của bản thân, của nhóm lớp. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
16. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người gần gũi trong gia đình.

	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. - NBTN: gọi tên các bộ phận cơ thể, nói được người thân của trẻ +Dạy trẻ kỹ năng vệ sinh tay, mặt, súc miệng.
17. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc - NBTN: - Một số con vật nuôi trong gia đình (vật 2 chân, vật 4 chân): con mèo, con chó, con lợn, con gà... - Một số con vật sống trong rừng: con hổ- con voi, con thỏ, con gấu, con ong... - Một số con vật sống dưới nước: con cá, con tôm, con cua... - NBTN: Một số loại hoa: Hoa hồng, hoa cúc, hoa lan, hoa đào... - Một số loại quả: Quả cam, quả táo, quả xoài... - Một số loại rau: rau cải, rau bắp cải, rau muống... - Tết Nguyên Đán và mùa xuân: Mùa xuân, bánh chưng, bánh tét, câu đối... - NBPB: - Con cá- con tôm; con voi- con hổ: con gà-con vịt... - Con vật 2 chân-4 chân - Hoa đào –hoa mai, hoa hồng- hoa huệ... - Bánh vuông- dài
18. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu. Tín hiệu giao thông.	- Nói đúng tên các đồ vật, con vật, đồ dùng. - Màu đỏ, màu vàng, màu xanh. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm. - NBTN: Màu xanh, đỏ, vàng... -NPPB: + Nhận biết phân biệt màu xanh, đỏ + Nhận biết phân biệt màu xanh, vàng + Nhận biết phân biệt màu đỏ- vàng + Nhận biết tín hiệu đèn giao thông + Nhận biết phân biệt đèn xanh- đỏ-vàng

	-NBTN: + PT và quy định GTĐB: Xe đạp, xe máy, ô tô tải, ô tô con +PT và quy định GTĐT: Tàu thủy, Thuyền buồm, ca nô +PT và quy định GTĐ hàng không: Máy bay -Thực hành các tín hiệu đèn giao thông - Màu sắc quanh bé
19.Trẻ xác định được một số hình học	- NBTN: + Hình tròn; Hình vuông; Hình tam giác; Hình chữ nhật - NBPB: + Hình tròn, hình vuông + Hình tam Giác, Hình chữ nhật
20.Trẻ xác định được vị trí trong không gian. Hình học	- NBPB + Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Nhận biết phân biệt trên dưới trước sau.
21. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. Một và nhiều.	- Chỉ, lấy, cất theo yêu cầu. + To- nhỏ - NBPB: + Kích thước to - nhỏ. + Số lượng một - nhiều
III> PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
22. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc
23. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “.... thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? làm gì? ở đâu? Thế nào?Để làm gì?tại sao?...
24. Trẻ Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. Biế tên và hành động của các nhân vật.	-Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
25. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. - Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.

***Chủ điểm: Trường Mầm non**

- **Thơ:** mẹ và cô (Trần Quốc Toản), Đi học đúng giờ, Bé ngoan, chia bánh, bạn mới, về đi học. bé đến lớp, cô và bé (Vũ Minh Tâm).

***Chủ điểm Gia đình bé yêu.**

- **Thơ:** Bà và cháu, khăn đẹp, Đi dép, Giỗ em, Yêu mẹ, Bé chờ mong, Bé tập giúp mẹ, Giường, Cửa sổ riêng của bé, Cô giáo, Bà và cháu, chú gà con, đi dép, khăn nhỏ.

***Chủ điểm Những con vật đáng yêu.**

-**Thơ:** Chú gà con, Tìm ỏ, Mèo con, Con trâu, Đàn bò, Em là bộ đội, Con voi, Thỏ trắng, Mùa xuân, Chim sâu, Đàn lợn con
Con cá vàng, Đàn gà con, Chim hót, Con voi, Ong và bướm, tìm ỏ, con cua

***Chủ điểm: Rau quả và những bông hoa đẹp.**

-**Thơ:** Mùa xuân, Hoa nở, Cây đào, Dán hoa tặng mẹ, Quả thị, Chuối, Bắp cải xanh, Củ cà rốt, Bắp cải xanh, Hoa kết trái, Tết là bạn nhỏ, Mùa xuân, Cây dây leo, Chăm rau., hoa sen, giàn mướp

***Chủ điểm: Bé đi khắp nơi bằng PTGT:**

-**Thơ:** Xe đạp, Tiếng còi tàu, Xe chữa cháy, Đi chơi phố, Con tàu, Đèn xanh đèn đỏ, Bé nằm mơ, Bé và mẹ

*** Chủ điểm: Mùa hè đến**

-**Thơ:** Nắng bốn mùa, Cầu vồng, Mưa, Tiết kiệm nước, Bé lên mẫu giáo, Bóng mây, Che mưa cho bạn, Trưa hè, Gió, Uống, bác Hồ của em., sáng ngày hè, em yêu mùa hè, buổi trưa hè,

***Chủ điểm Trường mầm non**

- **Truyện:** Chú Vịt Khàn, Vịt con đi học, bài học đầu năm.

***Chủ điểm Gia đình bé yêu.**

-**Truyện:** Cháu chào ông ạ, thỏ con không vâng lời, Cả nhà ăn dưa hấu,

- Đôi mắt của em, Miệng xinh, Cô và mẹ, bạn mới, Cát đồ chơi, Vườn trẻ, bàn tay cô giáo, Khăn nhỏ. Bé mai đi học, cá rô ron lên bờ, Giờ ăn của bé, Sinh nhật của thỏ con.

Bé mai ở nhà, Đi học, Chú mèo tinh nghịch

***Chủ điểm Những con vật đáng yêu**

-**Truyện:** Đôi bạn tốt, Quả trứng, Chó vàng, Thỏ ngoan, Rùa con tìm nhà, Con cáo, Thỏ con không lời, Chiếc đu màu đỏ, Cô vịt tốt bụng, Vịt

	con long vàng, Cá rô ron lên bờ, Chào buổi sáng, Sóc nâu nhanh trí. *Chủ điểm: Rau quả và những bông hoa đẹp -Truyện: Cây táo, Quả thị, Cô và các bạn xem hoa, Thỏ con ăn gì, Chiếc áo mùa xuân, Chủ điểm: Bé đi khắp nơi bằng PTGT: -Truyện: Đôi bạn tốt, câu chuyện về chú xe ủi, Chuyến du lịch của chú gà trống choai, Xe lu và xe ca, Vì sao thỏ cụt đuôi, Ô tô con học bài, Tàu thủy tí hon. *Chủ điểm: Mùa hè đến -Truyện: Chiếc ô của thỏ trắng, Cóc gọi trời mưa, Chim và cá
26. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Trẻ thể hiện nhu cầu, mong muốn, và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn
27. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hình ảnh quen thuộc trong giao tiếp. - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ... - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
28. Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
29. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Nói vừa đủ nghe, không nói to mà cũng không nói quá nhỏ, nói lễ phép với người lớn.
Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội thẩm mỹ	
30. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.



31. Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
32. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh. - Quan tâm đến trạng thái, biểu cảm của người khác khi giao tiếp.
33. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. .	- Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
34. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi:	- Quan tâm đến các vật nuôi. bắt chước tiếng kêu, gọi.
35. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
36. Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
37. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định
38. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. - Trẻ nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc	- Hát được các bài hát trong chủ đề. - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Nói được tên các bài hát, bản nhạc đơn giản. - Nói được tên tác giả của các bài hát và bản nhạc đó. - Biết được nội dung của các bài hát, bản nhạc. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. * Chủ điểm Mầm non: Dạy hát, VD: + Cô và mẹ; Lời chào buổi sáng; Em búp bê; Đi nhà trẻ; Biết vâng lời mẹ; Đi học về. Em búp bê; cùng đi về lớp - Trò chơi: Hãy lắng nghe; nghe âm thanh to-nhỏ * Chủ điểm: Gia đình: DH và VD: - Mẹ yêu không nào(Nhạc và lời: Lê Xuân Thọ) - Cô và mẹ (Nhạc và lời: Phạm Tuyên) - Cháu yêu bà (Nhạc và lời: Xuân Giao) - Bé ngoan (Nhạc và lời: Hồng Ngọc) - Đi ngủ (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến) - Cùng múa vui (Nhạc và lời: Xuân Giao) - Quà tặng mẹ (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn)

- Biết vâng lời mẹ
- Trò chơi: Nghe âm thanh to –nhỏ; hãy bắt chước.

***Chủ điểm: Những con vật đáng yêu:**

- Dạy hát và VĐ:

+ Gà trống mèo con và cún con; Con gà trống; Cá vàng bơi; Một con vịt;Ếch ộp; Con chim hót trên cành cây; Chú mèo; Chú mèo lười; Con cò cánh trắng.

- **Nghe hát:** Cò lá; Trời nắng trời mưa, Tiếng hát vịt con, Vì sao chim hay hót, Rửa mặt như mèo, Thật là hay.

Con mèo ra bờ sông, gà trống mèo con và cún con, Cháu thương chú bộ đội, Chú bộ đội, Con chim vành khuyên, Thật đáng chê, Chú voi con ở bản Đôn, ta đi vào rừng xanh.

- **Trò chơi:** Nghe âm thanh của hai nhạc cụ, gà gáy, Nghe giai điệu đoán tên bài hát, hát theo hình vẽ, Ai đoán giỏi, Thỏ đổi lồng, Lộn cầu vòng.

***Chủ điểm: Rau quả và những bông hoa đẹp:**

- **Hát + VĐ:** Tết đến rồi, hái hoa, màu hoa, Quà 8/3, Bé và hoa, Như những cánh hoa, Hoa bé ngoan,

- **Trò chơi:** Ai đoán giỏi, Tiếng hát ở đâu, Nghe giai điệu đoán tên bài hát, tai ai tinh, Hát theo hình vẽ, Giọng hát to - giọng hát nhỏ.

***Chủ điểm: Bé có thể đi khắp nơi bằng các PTGT:**

- **Hát+VĐ:** Lái ô tô, Em tập lái ô tô, Đèn xanh đèn đỏ, Đường em đi, Đoàn tàu nhỏ xíu, Ngày vui 8/3, tàu hỏa

-**Trò chơi:** Nghe và bắt chước âm thanh, Chọn bài hát theo hình vẽ, Tai ai tinh, Giọng hát to- giọng hát nhỏ.

***Chủ điểm: Mùa hè đến**

- **Hát+ VĐ:** Mùa hè đến, Đếm sao, Cháu đi mẫu giáo, Nhớ ơn bác, Cùng múa vui

- **Trò chơi:** Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Giọng hát to - giọng hát nhỏ, Trời nắng trời mưa.

*** Chủ điểm Mầm non**

- Nghe hát: Trường chúng cháu là trường mầm non; Em đi mẫu giáo; Em yêu cô giáo; Lại đây múa hát cùng cô; Em tập thể dục buổi sáng; chiếc đèn ông sao, phá cỗ.

	*Chủ điểm: Gia đình: - Nghe hát: - Cả nhà nhà thương nhau (Nhạc và lời: Phan Văn Minh) - Chim mẹ chim con (Nhạc và lời: Đặng Nhật Mai) - Cả nhà đều yêu (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn) - Lại đây múa hát cùng cô (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn) - Bé quét nhà (Nhạc và lời: Hà Đức Hậu) - Ru em (Nhạc và lời: Hoàng Kim Định) - Cô giáo (Nhạc: Đỗ Mạnh Thường; Lời thơ: Nguyễn Hữu Tưởng) - Cho con; Cò lả (Dân ca đồng bằng bắc bộ); gà gáy le te; Tổ ấm; Cháu yêu bà. *Chủ điểm: Rau quả và những bông hoa đẹp: - Nghe hát: Chúc xuân, Em thêm 1 tuổi, Hoa trong vườn, Hoa thơm bướm lượn, Ngày vui 8/3, Quả, Con chim hót trên cành cây, Bắp cải xanh, Vườn cây của ba. Ra vườn hoa em chơi, lý cây bông, màu hoa, Em yêu cây xanh, Hoa trường em, Lý cây bông. *Chủ điểm: Bé có thể đi khắp nơi bằng các PTGT: - Nghe hát: Nhớ lời cô dặn, Em đi qua ngã tư đường phố, Em đi chơi thuyền, Anh phi công ơi, Dân ca (tự chọn), Tàu hỏa, Bạn ơi có biết không *Chủ điểm: Mùa hè đến - Nghe hát: Hè đến, Ánh trăng hòa bình, dân ca tự chọn, Cho tôi đi làm mưa với, Mưa rơi, Bèo dạt mây trôi, Ông mặt trời óng ánh,
39.Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	* CD Trường Mầm Non: Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Tô màu tranh không chườm ra ngoài. - Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng - Di màu quả bóng, - Di màu chiếc khăn - Tô màu cái trống, - Tô màu bong bóng - Vẽ hoa tặng cô giáo Vẽ các đường nét đúng theo yêu cầu - KNS: - xâu vòng, xâu vòng xanh đỏ - Tháo lắp vòng * Bé và gia đình thân yêu

- Tô màu chiếc cốc
- Tô màu chiếc áo của mẹ
- Tô màu đường về nhà

KNS: - Xếp nhà

- Chọn đồ dùng màu xanh cho bé

***Những con vật đáng yêu:**

- Tô màu con cá heo
- Tô màu con voi

KNS: - Xếp chuồng thú

*** Rau quả và Những bông hoa đẹp**

- Nặn quả tròn, nặn quả dài,
- nặn mâm ngũ quả, nặn cái lá..., nặn hoa, nặn bánh

- Tô màu quả táo

- Tô màu củ cà rốt
- Dán lá cho cành hoa
- Tô màu bánh chưng,
- Vẽ mưa xuân

KNS: xâu vòng màu xanh, xâu vòng màu đỏ, xâu vòng xen kẽ

***CD Các phương tiện giao thông**

- Tô màu ô tô
- Tô màu mũ bảo hiểm

KNS: - Xếp đường đi

- Xếp ô tô

***CD Mùa hè của bé**

- Vẽ các tia nắng
- Tô màu chiếc ô
- Tô màu bánh ga tô.

KNS: - Xếp chông

- Xếp tháp chóp

- Kỹ năng xếp các đồ vật

Diễn Yên, ngày 20..tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Tình